

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đông Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Hà Nội T10- 2015

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
A – Tài sản ngắn hạn	100		798,782,530,613	470,989,107,352
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		65,773,557,338	99,023,212,818
1. Tiền	111	V.1	45,732,757,338	78,423,212,818
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	20,040,800,000	20,600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,466,660,500	2,386,660,700
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3,944,000,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2a	(1,477,339,500)	(1,557,339,300)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		223,562,404,523	143,065,577,645
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	156,939,050,157	113,501,026,773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35,926,520,998	13,306,510,090
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200,000,000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	36,015,282,790	20,029,395,833
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5,574,366,071)	(3,771,355,051)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		55,916,649	
IV. Hàng tồn kho	140		498,884,416,989	224,677,968,327
1. Hàng tồn kho	141	V.6	504,541,126,748	228,349,336,304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5,656,709,759)	(3,671,367,977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,095,491,263	1,835,687,862
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	4,117,128,829	1,828,287,862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,588,967,785	7,400,000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		443,765,824	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		(54,371,175)	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		691,826,336,115	482,018,725,808
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		354,722,910,903	57,674,083,803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	138,417,820,623	51,650,313,468
- Nguyên giá	222		257,398,477,850	103,135,721,404
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(118,980,657,227)	(51,485,407,936)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	216,305,090,280	6,023,770,335
- Nguyên giá	228		227,240,196,677	10,978,387,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10,935,106,397)	(4,954,616,665)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		84,102,014,765	26,820,163,405
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		84,102,014,765	26,820,163,405
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13,333,640,000	379,712,637,822
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	-	371,414,557,822
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13,333,640,000	8,298,080,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		239,667,770,447	17,811,840,778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,838,909,196	107,276,119
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,901,191,732	
3. Lợi thế thương mại	269		231,927,669,519	17,704,564,659
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,490,608,866,728	953,007,833,160

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

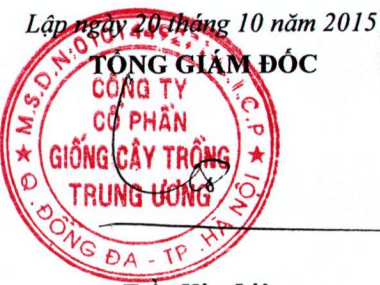
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	200,406,348,993	108,024,150,234	908,949,613,808	513,057,244,699
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	27,117,309,230	15,354,138,800	86,884,277,852	39,593,721,950
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		173,289,039,763	92,670,011,434	822,065,335,956	473,463,522,749
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.3	94,493,373,224	54,861,835,164	519,865,071,676	309,016,277,388
5 Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78,795,666,539	37,808,176,270	302,200,264,280	164,447,245,361
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,719,816,887	1,654,532,175	3,763,451,671	3,530,347,008
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	2,134,099,850	653,511,825	25,473,910,960	869,397,864
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,294,516,881	94,854,319	5,442,834,571	123,229,319
Lãi lỗ công ty liên doanh, liên kết	24			36,545,432	4,049,884,036	1,166,987,818
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7	16,001,954,301	7,365,163,007	76,919,722,729	40,909,948,823
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26,740,081,313	10,214,109,241	85,238,976,122	43,967,230,119
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,639,347,963	21,266,469,804	122,380,990,177	83,398,003,381
11 Thu nhập khác	31	VI.6	4,879,423,795	200,205,158	9,747,835,940	1,017,825,355
12 Chi phí khác	32		11,206,161	1,699,887	271,069,721	561,103,108
13 Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		4,868,217,634	198,505,271	9,476,766,219	456,722,247
15 Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		40,507,565,597	21,464,975,075	131,857,756,396	83,854,725,628
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5,439,801,131	1,140,409,364	17,512,490,800	1,845,292,259
17 (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		101,051,437	-	1,259,795,493	0
18 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60		35,168,815,902	20,324,565,711	115,605,061,089	82,009,433,369
Lợi ích của các cổ đông thiểu số	61		3,996,806,280	181,407,238	16,223,274,399	1,067,157,963
Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	62		31,172,009,622	20,143,158,473	99,381,786,690	80,942,275,406
19 Lãi trên cổ phiếu [đối với công ty cổ phần] [1]	70		2,038	1,681	6,498	6,757

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Ty



Trần Kim Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2015

Đơn vị : VND

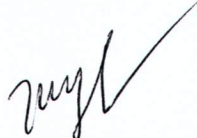
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		851,759,669,717	355,161,622,107
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(580,897,212,931)	(281,967,723,147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(89,059,228,538)	(30,574,269,985)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6,830,759,274)	(28,375,000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(15,889,150,021)	(884,984,049)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56,156,801,812	24,417,936,522
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(119,883,867,613)	(60,785,140,351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95,356,253,152	5,339,066,097
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(83,694,100,041)	(9,353,156,000)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		205,990,909	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		165,000,000	236,749,895
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170,360,575,198)	(234,970,440,103)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26,423,875,988	1,319,455,618
8. Tiền mua công ty con			-	1,907,191,517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(227,259,808,342)	(240,860,199,073)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	329,231,825,000
2. Tiền trả lại v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32		-	(102,270,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	334,736,705,894	106,700,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(159,208,319,900)	(104,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(76,879,780,000)	(15,418,533,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		98,648,605,994	316,411,022,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(33,254,949,196)	80,889,889,024
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		99,023,212,818	54,122,278,528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		5,293,716	4,732,345
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		65,773,557,338	135,016,899,897

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Ty

Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - **Danh sách các công ty con được hợp nhất gồm 3 công ty**
 - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây**
Địa chỉ : số 2 Ba La, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 53,8%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 53,8%
 - **Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam**
Địa chỉ : Quốc Lộ 1A, Xã Điện Thắng Bắc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 84,17%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 84,17%
 - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.**
Địa chỉ : số 282 Lê Văn Sỹ, P01, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ phần sở hữu : 61,49%
Tỷ lệ quyền biểu quyết : 61,49%
 - Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:
 - Chi nhánh Miền Trung
 - Chi nhánh Thái Bình
 - Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
 - Chi nhánh Thanh Hóa
 - Chi nhánh Hà Nam
 - Xí nghiệp Ba Vì
 - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
 - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
 - Nhà máy chế biến Thường Tín
 - Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.

Đến ngày 30/09/2015 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 807 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

- e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiểm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

➤ Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

➤ Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 trở đi đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2015 là năm thứ 5 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 22% (thay đổi từ ngày 01/1/2014).

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/09/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	4,262,979,619	7,859,039,154
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41,469,777,719	70,564,173,664
Tiền đang chuyển		
Cộng	45,732,757,338	78,423,212,818

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh.**

	30/09/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Tổng giá trị cổ phiếu							
	3,944,000,000	2,466,660,500	(1,477,339,500)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)	
Công ty CP cảng rau quả (VGP)	-	3,944,000,000	2,466,660,500	(1,477,339,500)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Ghi trị ghi sổ	Giá gốc	Ghi trị ghi sổ
b1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	20,040,800,000	20,040,800,000	20,600,000,000	20,600,000,000
Trái phiếu				

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/09/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	420,860	84.17%	420,860	84.17%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	5,996,940	40.0%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	99,938	10.03%	62,126	6.24%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

	30/09/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào đơn vị khác Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình	13,333,640,000			8,298,080,000		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

3. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	30/09/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó các khách hàng dư nợ lớn:	156,937,288,438	113,501,026,773
- Cục Trồng Trọt	-	
- Phải thu các đối tượng khác	156,937,288,438	113,501,026,773
Phải thu nội bộ	1,761,719	
Cộng	156,939,050,157	113,501,026,773
Dự phòng phải thu khó đòi	(5,574,366,071)	(3,771,355,051)

Số dư nợ phải thu của khách hàng ngắn hạn không có khoản phải thu nào vượt qua 10% trên tổng phải thu khách hàng.

4. Trả trước cho người bán

	30/09/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Trả trước nhà thầu xây dựng, cung cấp máy móc	17,886,822,830	8,516,597,470
Trả trước cho nhà cung cấp khác	18,039,698,168	4,789,912,620
Cộng	35,926,520,998	13,306,510,090

5. Phải thu khác

	30/09/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ	3,091,573,379			
Tạm ứng cho nhân viên	15,542,022,945		18,427,505,240	
Tạm ứng cho nông dân	-			
Phải thu khác	17,381,686,466		1,601,890,593	
Cộng	36,015,282,790		20,029,395,833	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

6. Nợ xấu

	30/09/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	5,574,366,071		2,684,717,975	
- Công ty TNHH Hải Anh	2,624,129,975		2,624,129,975	
- Khách hàng khác	2,950,236,096		60,588,000	

7. Hàng tồn kho

	30/09/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	54,444,250			
Nguyên liệu, vật liệu	190,088,684,280		19,425,963,814	
Công cụ, dụng cụ	1,882,199,318		542,847,442	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16,943,872,769		1,594,653,912	
Thành phẩm	224,434,170,150	(5,656,709,759)	177,244,589,598	(3,671,367,977)
Hàng hoá	71,129,704,337		29,541,281,538	
Hàng gửi bán	8,051,644			
Cộng	504,541,126,748	(5,656,709,759)	228,349,336,304	(3,671,367,977)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Quyền sử dụng đất	12,144,885,972	
Kho DTQG	3,548,287,000	3,466,687,000
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Dự án xây dựng nhà làm việc		14,354,709,741
Dự án Đồng Văn	66,250,497,129	6,451,029,000
Công trình khác	44,898,000	434,291,000
Cộng	84,102,014,765	26,820,163,405

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD khác	Tổng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	54,228,200,166	32,636,545,615	15,410,412,623	700,563,000	160,000,000	103,135,721,404
2. Tăng, giảm trong năm	106,875,426,824	25,104,199,907	18,729,675,459	3,553,454,256	0	154,262,756,446
-Mua trong năm	-	1,472,541,660	532,833,340	823,020,989	-	2,828,395,989
-Đầu tư XDCB hoàn thành	30,008,305,343	161,678,800	786,976,000	-	-	30,956,960,143
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	76,867,121,481	23,469,979,447	17,683,626,119	2,730,433,267	-	120,751,160,314
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	(273,760,000)	-	-	(273,760,000)
3. Số cuối năm	161,103,626,990	57,740,745,522	34,140,088,082	4,254,017,256	160,000,000	257,398,477,850
II. Giá trị hao mòn						0
1. Số đầu năm	23,090,069,315	20,548,768,661	7,114,110,765	572,459,195	160,000,000	51,485,407,936
2. Tăng, giảm trong năm	36,611,989,621	17,722,475,773	11,911,790,517	1,248,993,380	0	67,495,249,291
-Khấu hao trong năm	5,631,203,006	4,298,714,005	2,029,479,480	225,485,277	0	12,184,881,768
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	30,980,786,615	13,423,761,768	10,006,491,609	1,023,508,103		55,434,548,095
-Thanh lý, nhượng bán			(124,180,572)			-124,180,572
-Giảm khác						0
3. Số cuối kỳ	59,702,058,936	38,271,244,434	19,025,901,282	1,821,452,575	160,000,000	118,980,657,227
III. Giá trị còn lại						0
1. Tại ngày đầu năm	31,138,130,851	12,087,776,954	8,296,301,858	128,103,805	0	51,650,313,468
2. Tại ngày cuối năm	101,401,568,054	19,469,501,088	15,114,186,800	2,432,564,681	0	138,417,820,623

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2,395,787,000	8,511,600,000	71,000,000	10,978,387,000
2. Tăng trong kỳ	215,656,345,853	-	605,463,824	216,261,809,677
- Mua trong năm				0
- Tạo ra trong hoạt động kinh doanh				0
- Tăng khác do chuyển công ty con	215,656,345,853		605,463,824	216,261,809,677
- Thanh lý, nhượng bán				0
- Giảm khác				0
3. Số dư cuối kỳ	218,052,132,853	8,511,600,000	676,463,824	227,240,196,677
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	120,000,000	4,763,616,665	71,000,000	4,954,616,665
2. Tăng trong kỳ	4,528,500,911	1,119,825,000	332,163,821	5,980,489,732
- Khấu hao trong năm	224,925,222	1,119,825,000	97,899,999	1,442,650,221
- Tăng khác do chuyển công ty con	4,303,575,689		234,263,822	4,537,839,511
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
3. Số dư cuối kỳ	4,648,500,911	5,883,441,665	403,163,821	10,935,106,397
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2,275,787,000	3,747,983,335	0	6,023,770,335
2. Tại ngày cuối kỳ	213,403,631,942	2,628,158,335	273,300,003	216,305,090,280

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

11. Chi phí trả trước

	<u>30/09/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn		
<i>Công cụ, vật liệu xuất dùng</i>	4,117,128,829	1,828,287,862
b. Dài hạn	4,838,909,196	107,276,119
c. Lợi thế thương mại		

Khoản mục	HSC	QSC	SSC	Cuối kỳ
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	26,557,087,281	1,911,006,045		28,468,093,326
Tăng trong năm			227,046,615,449	227,046,615,449
Số dư cuối năm	26,557,087,281	1,911,006,045	227,046,615,449	255,514,708,775
2. Khấu hao				0
Số dư đầu năm	10,622,834,913	140,693,754		10,763,528,667
Tăng trong năm	1,327,854,364	143,325,453	11,352,330,772	12,823,510,589
Số dư cuối năm	11,950,689,277	284,019,207	11,352,330,772	23,587,039,256
3. Giá trị còn lại				0
Tại ngày đầu năm	15,934,252,368	1,770,312,291	0	17,704,564,659
Tại ngày cuối năm	14,606,398,004	1,626,986,838	215,694,284,677	231,927,669,519

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn ngân hàng	225,460,878,194	225,460,878,194	25,424,000,000	25,424,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-		
Cộng	225,460,878,194	225,460,878,194	25,424,000,000	25,424,000,000
Vay dài hạn ngân hàng	55,038,356,400	55,038,356,400		
Cộng	55,038,356,400	55,038,356,400	25,424,000,000	25,424,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

13. Phải trả người bán

	30/09/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ	86,008,706,724	86,008,706,724	90,499,209,984	90,499,209,984
Công ty TNHH giống cây trồng Thịnh Dự - TQ	19,125,667,824	19,125,667,824	47,018,337,704	47,018,337,704
Sichuan Longping High-Tech Công Ty TNHH DEKALB Việt Nam	-	-	14,153,658,760	14,153,658,760
Phải trả cho các đối tượng khác	4,310,997,765	4,310,997,765		
Phải trả bên liên quan	11,519,989,000	11,519,989,000	29,327,213,520	29,327,213,520
(1,263,154,784)	(1,263,154,784)	(1,263,154,784)		
b Phải trả dài hạn				
Cộng	84,745,551,940	84,745,551,940	90,499,209,984	90,499,209,984

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Phải nộp**

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	436,809,023	126.032.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,757,067,422	997.365.117
Thuế thu nhập cá nhân	2,013,779,212	1.089.261.015
Thuế đất	1,102,040,124	768.116.429
TỔNG CỘNG	9,309,695,781	2.980.775.433

b. Phải thu

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3,588,967,785	7,400,000
Cộng	3,588,967,785	7,400,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

15. Chi phí phải trả

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
a Ngắn hạn	14,953,423,776	649,463,428
Chiết khấu thương mại	8,946,651,228	
Chi phí tiền bản quyền	21,038,429	
Hỗ trợ phí vận chuyển	380,673,638	
Chi phí phải trả khác	5,605,060,481	649,463,428
b Dài hạn		
Cộng	<u><u>14,953,423,776</u></u>	<u><u>649,463,428</u></u>

16. Phải trả khác

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí đền bù đất phải trả- Dự án Đồng Văn		5,063,862,886
Dự phòng trợ cấp thôi việc	984,550,275	
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	2,299,996,750	984,550,275
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia	-	434,672,830
Chi phí phải trả - Dự án BHHH	3,316,965,148	559,835,000
BHXT	570,383,834	57,857,412
BHVT	175,895,548	
KPCĐ	250,398,858	14,720,200
BHTN	112,811,652	
Phải trả về cổ phần hóa	728,073,914	728,073,914
Cổ tức phải trả	925,879,310	937,629,310
Thù lao hội đồng quản trị	-	
Các khoản phải trả khác	18,074,542,488	7,211,691,514
Phải trả các bên liên quan	-	
	<u><u>27,439,497,777</u></u>	<u><u>15,992,893,341</u></u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	63,553,000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	8	9
Số dư ngày tại 01/01/2014	100,298,380,000	54,797,592,850		90,149,177,148	262,128,000	77,489,277,455	4,049,619,717	327,046,175,170
Lợi nhuận thuần trong năm						122,758,068,442		122,758,068,442
Phát hành cổ phiếu	52,651,620,000	276,447,935,000						329,099,555,000
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)					(102,270,000)
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000					102,270,000
Phân phối vào các quỹ				55,372,236,303		(55,372,236,303)		-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi						(9,551,421,049)		(9,551,421,049)
Chi cổ tức						(15,029,416,500)		(15,029,416,500)
Sử dụng các quỹ				(4,588,070,921)				(4,588,070,921)
Thù lao HĐQT và BKS						(477,472,000)		(477,472,000)
Tăng khác					5,024,510,000		1,675,974,593	6,700,484,593
Giảm khác					(5,286,638,000)			(5,286,638,000)
Số dư ngày tại 31/12/2014	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,933,342,530	-	119,816,800,045	5,725,594,310	750,671,264,735

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,933,342,530		119,816,800,045	5,725,594,310	750,671,264,735
Mua công ty con	-	-	-	-		-	199,700,696,856	199,700,696,856
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-		99,381,786,690	16,223,274,399	115,605,061,089
Trích lập/(hoàn nhập) quỹ	-	-	-	61,397,193,070		(61,493,608,727)	96,415,657	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-		(14,572,253,977)	(948,921,022)	(15,521,174,999)
Cổ tức công bố	-	-	-	-		(45,885,000,000)	(17,767,033,595)	(63,652,033,595)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-		(680,515,219)	(104,043,333)	(784,558,552)
Sử dụng các quỹ (*)	-	-	-	(1,695,181,247)		-	-	(1,695,181,247)
Khác	-	-	-	-		-	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-	200,635,354,353		96,567,208,812	202,925,983,272	984,324,074,287

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	<u>30/09/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	0	0
- Vốn góp của đối tượng khác	<u>152,950,000,000</u>	<u>152,950,000,000</u>
Cộng	<u>152,950,000,000</u>	<u>152,950,000,000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>2015</u> (VND)	<u>2014</u> (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		100,298,380,000
+ Vốn góp tăng trong năm		52,651,620,000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		15%

d. Cổ phiếu

	<u>30/09/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	Năm 2015	Năm 2014
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	200,635,354,353	140,933,342,530
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>200,635,354,353</u>	<u>140,933,342,530</u>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 1,431,386,527 đồng
 b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 33,503,800,000 đồng
 c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	21,865	29,401	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,566.45	-

- d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 208,213,500 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	907,345,643,747	511,770,058,345
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,603,970,061	1,287,186,354
Cộng	908,949,613,808	513,057,244,699

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Chiết khấu thương mại	29,022,802,562	5,897,765,200
Giảm giá hàng bán	56,740,853,340	30,279,760,450
Hàng bán bị trả lại	1,120,621,950	3,416,196,300
Cộng	86,884,277,852	39,593,721,950

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	512,417,645,723	309,016,277,388
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7,447,425,953	
Cộng	519,865,071,676	309,016,277,388

Năm 2015 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí bao bì đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng sang chi phí giá vốn hàng bán và chi phí chiết khấu bán hàng từ chi phí bán hàng giảm trừ vào doanh thu bán hàng.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2014 theo cách ghi nhận của năm 2015 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,253,828,283	2,914,963,755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,815,211,600	106,666,400
Lãi chênh lệch tỷ giá	612,616,283	338,034,888
Doanh thu hoạt động tài chính khác	81,795,505	170,681,965
Cộng	3,763,451,671	3,530,347,008

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Lãi tiền vay	5,438,637,906	123,229,319
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15,884,948,396	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,028,611,314	212,748,050
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(194,781,800)	533,332,000
Chiết khấu thanh toán		
Chi phí hoạt động tài chính khác	3,316,495,144	88,495
Cộng	25,473,910,960	869,397,864

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác	9,747,835,940	1,017,825,355
Cộng	9,747,835,940	1,017,825,355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	18,185,652,003	1,845,292,259
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	(673,161,203)	
Thuế thu nhập hoãn lại	(1,259,795,493)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16,252,695,307	1,845,292,259

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	99,381,786,690	80,942,275,406
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	15,295,000	11,979,025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,498	6,757

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	31,172,009,622	20,143,158,473
Cộng	31,172,009,622	20,143,158,473

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 3/2015 là 31,172,009,622 đồng, tăng 54,75% so với quý 3/2014, do quý 3 năm 2015 do từ Quý 2 năm 2015 Công ty NSC trở thành công ty mẹ của Công ty CP giống cây trồng Miền Nam (SSC), quý 3 năm 2015 Công ty hợp nhất báo cáo cầu công ty con SSC nên lợi nhuận tăng như trên.

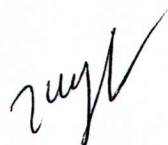
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015

2. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn KPMG Việt Nam.

Ngày 20 tháng 10 năm 2015

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên